TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

- Bản án số: 21/2019/DS - ST
- Ngày: 17 - 9 - 2019
- Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Danh Pì Sách.**
- Các Hội Thẩm Nhân Dân: **1. Ông Nguyễn Văn Kiệt;**

2. Ông Võ Hoàng Ân

- Thư ký phiên toà: Ông **Lý Văn Toán-** *Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm -** *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2019/TLST- DS, ngày 24 tháng 6 năm 2019, về việc " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐST - DS, ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Thông báo tiếp tục phiên tòa sơ thẩm số 37/2019/TB-TTPT, ngày 04/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần B**;

Trụ sở tại: số X, phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lâm T T** – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch Châu Thành.

2. Bị đơn: Ông **Dương N T**, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: K/p M, TT. M l, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt taih phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ông Lâm T T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B trình bày: Nguyên vào ngày 10 tháng 6 năm 2016 ông Dương N T có đến có vay của ngân hàng TMCP B số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/100616/04/870, ngày 10/6/2016. Dư nợ tại ngày 24/7/2019 là 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Phương thức cho vay: Từng lần. Mục đích sử dụng vốn vay là vay tiêu dùng. Thời hạn vay là 60 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là 10/6/2021. Lãi suất cho vay ban đầu là 12.5%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả vào ngày 10 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.670.000đ, kỳ cuối cùng trả 1.470.000đ. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 10/7/2016. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 10 hàng tháng, trả lãi cùng kỳ với trả nợ gốc. Lãi tính theo dư nợ gốc thực tế. Không có tài sản bảo đảm nợ vay.

Số tiền nợ gốc của ông Dương N T đến ngày 17/9/2019 là: 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Số tiền lãi là 31.859.353 đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng, lãi phạt lãi 4.285.298đồng.

Ông Tính đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 02/100616/04/870, ngày 10/6/2016 tại khoản 1 và khoản 2 thuộc Điều 04 của hợp đồng đã ký với Ngân hàng, đồng thời khách hàng không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa ông Lâm T T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B yêu cầu:

1.Tuyên chấm dứt hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/100616/04/870, ngày 10/6/2016.

2. Buộc ông Dương N T phải trả toàn bộ khoản vay gốc, lãi và các chi phí phát sinh cho Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Kiên Giang theo Hợp đồng tín

dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 02/100616/04/870 ngày 10/6/2016 như sau: Số tiền nợ gốc của ông Dương N T đến ngày 17/9/2019 là: 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Số tiền lãi là 31.859.353 đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng, lãi phạt lãi 4.285.298đồng.

Yêu cầu ông Dương N T tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 25/7/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Bị đơn ông Dương N T trình bày: Nguyên vào ngày 10 tháng 6 năm 2016 ông có đến có vay của ngân hàng TMCP B số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 02/100616/04/870 ngày 10/6/2016. Dư nợ tại ngày 24/7/2019 là 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Phương thức cho vay: Từng lần, mục đích sử dụng vốn vay là vay tiêu dùng. Thời hạn vay là 60 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là 10/6/2021. Lãi suất cho vay ban đầu là 12.5%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả vào ngày 10 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.670.000đ, kỳ cuối cùng trả 1.470.000đ. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 10/7/2016. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 10 hàng tháng, trả lãi cùng kỳ với trả nợ gốc. Lãi tính theo dư nợ gốc thực tế. Không có tài sản bảo đảm nợ vay. Ông Tính đóng được 12 kỳ gốc với số tiền là: 18.470.000đ (Mười tám triệu bốn trăm bày mươi ngàn đồng), trong đó kỳ thứ 12 ông có đóng 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) gốc và lãi 12 kỳ ông đóng được 10.668.379 (Mười triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng). Số tiền nợ gốc của ông tính đến ngày 17/9/2019 là: 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Số tiền lãi đến ngày 17/9/2019 là 31.859. 353đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đồng, lãi quá hạn 10.103.602 đồng, lãi phạt lãi 4.285.298 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện ông tại Tòa án yêu cầu ông trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ trên thì ý kiến của ông như sau: Yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng kiêm khế ước nhận nợ số: 02/100616/04/870 ngày 10/6/2016.

Xác định đến ngày 17/9/2019 ông còn nợ ngân hàng TMCP B số tiền là 81.530.000đ nợ gốc, số tiền lãi là 31.859.353 đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng, lãi phạt lãi 4.285.298đồng, tổng cộng gốc lãi là 113.389.353đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày18/9/2019 theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/100616/04/870 ngày 10/6/2016 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, sự có mặt của thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng;

Đối với đương sự: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đối với số tiền gốc 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Số tiền lãi là 27.574.055.đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng. Đối với yêu cầu số tiền 4.285.298đồng, do đây là lãi chồng lãi nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] **- Về thẩm quyền**: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 03 Điều 26, Điều

30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] **- Về quan hệ pháp luật tranh chấp**: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Dương N T trả tiền nợ vay gốc là 81.530.000đ. Số tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phải trả, lãi phạt của khách hàng đến ngày 17/9/2019 với số tiền là 81.530.000đ nợ gốc, số tiền lãi là 31.859.353 đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng, lãi phạt lãi 4.285.298đồng, tổng cộng gốc lãi là 113.389.353đồng theo theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/100616/04/870 ngày 10/6/2016, nên quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] - **Về nội dung vụ án**: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Lâm T T là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP B và ông Dương N T đều xác nhận vào ngày 10 tháng 6 năm 2016 ông có đến có vay của ngân hàng TMCP B số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/100616/04/870 ngày 10/6/2016. Tính đến ngày 17/9/2019 ông Tính còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Số tiền lãi là 31.859.353 đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng và tiền lãi phạt lãi 4.285.298 đồng đối với số tiền lãi 17.470.450 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông Tính có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 17/9/2019.

Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông Tính có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng tiền nợ gốc là: 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Số tiền lãi là 31.859.353 đồng, trong đó lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng, lãi phạt lãi 4.285.298 đồng là có căn chấp nhận một phần.

Đối với số tiền gốc là 81.530.000đ (Tám mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng), tiền lãi trong hạn là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng là có cơ sở chấp nhận vì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều thống nhất ông Dương N T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 81.530.000đ, tiền lãi trong hạn đến ngày 17/9/2019 là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602đồng, tổng cộng gốc lãi đến ngày 17/9/2019 là 109.104.055đồng. Bởi vì kể từ ngày vay tiền của Ngân hàng, ông Tính đã liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ hơn nữa ông Tính không có phương án nào để trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện và thời gian cho ông Tính tìm cách trả nợ cho Ngân hàng mà ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:*" Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Vì vậy, cần xử buộc ông Dương N T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 81.530.000đ tiền lãi trong hạn đến ngày 17/9/2019 là 17.470.453đ, lãi quá hạn 10.103.602 đồng, tổng cộng gốc lãi đến ngày 17/9/2019 là 109.104.055đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2019 cho đến khi ông Tính trả dứt nợ gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] - Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông Tính trả cho Ngân hàng số tiền lãi 4.285.298 đồng là không có căn chấp nhận, bởi vì theo Ngân hàng số tiền này là số tiền phạt lãi trên số tiền lãi trong hạn 17.470.453đ. Theo quy định của pháp luật thì các bên không được lấy số tiền lãi phát sinh để tính lãi cho bên vay.

[5] - Xét về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ chấp nhận nên HĐXX nghi nhận.

[6] - Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc

Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sự dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc ông Tính phải chịu tiền án phí trên số tiền tranh chấp: 109.104.055đồng x 5% = 5.455.202,75 đồng.

Ngân hàng phải chịu án phí trên số tiền bị bác là 4.285.298đồng x 5 % = 214.264,9 đồng nhưng được khấu trừ số tiền án phí đã nộp 2.689.000đ. Hoàn Ngân hàng số tiền án phí còn lại 2.474.735,1 số tiền án phí còn lãi đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005236, ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ, Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sự dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

1.Tuyên chấm dứt hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 02/100616/04/870, ngày 10/6/2016.

2. Buộc ông Dương N T phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vay gốc là: 81.530.000đ, số tiền lãi trong hạn 17.470.453đồng, lãi quá hạn 10.103.602đồng, tổng cộng gốc lãi đến ngày 17/9/2019 là 109.104.055đồng (Một trăm lẻ chín triệu môt trăm lẻ bốn ngàn không trăm năm mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2019 cho đến khi ông Tính trả dứt nợ gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với yêu cầu buộc ông Tính có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền lãi 4.285.298đ trên số tiền lãi trong hạn 17.470.453đồng.

4. Về án phí: Buộc ông Dương N T phải chịu 5.540.884,35đ (Năm triệu năm trăm bốn mươi ngàn tám trăm tám mươi bốn phẩy ba mươi lăm đồng).

Trả cho Ngân hàng TMCP B 2.689.000đ số tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005236, ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS Huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*